TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HC-PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2021
V/v: Quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 170/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc "Quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4248/2020/QĐPT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 3XX T, Phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Đào Nhật Q**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 174/11/10 N, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thành C**, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố M: Bà **Phạm Thị Trúc H**, chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M – tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

Ủy ban nhân dân phường X, thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim P chức vụ: Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông **Vũ Quốc D**, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3xx đường số 01, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện trình bày:*** Vào năm 1991, vợ chồng bà Nguyễn Thanh T và ông Vũ Quốc D có nhận chuyển nhượng một phần đất tọa lạc tại khu phố 1x, Phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của ông Phan Ngọc N, cư ngụ tổ X, khu phố X, Phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 26 tháng 10 năm 1993, có làm giấy tay chuyển nhượng và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đến năm 2003, bà Nguyễn Thanh T làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Tờ trình số: 2625/UB ngày 26/9/2003. Tứ cận giáp ranh thể hiện phía tây giáp mương + đường đi. Do phần đất của bà Nguyễn Thanh T có giáp với đất của ông Nguyễn Văn T nhưng nhà ông Nguyễn Văn T đi về hướng phía Bắc ra đường Lý Thường Kiệt B (nay là đường Lê Văn Phẩm) nên biên bản đo đạc thể hiện mương + đường đi đúng hiện trạng đất của bà.

Đến năm 2004, bà Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân Phường X mời ra phường nhận cấp giấy đất đại trà, bà đã nộp lại Tờ trình cho cán bộ phát giấy và nhận Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Sau khi bà phát hiện giấy cấp không đúng với thực tế bà Nguyễn Thanh T có gặp ông Nguyễn Văn C (cán bộ Địa chính Phường X), yêu cầu chỉnh lại giấy; Ông Nguyễn Văn C đã nhận lại bản chính Giấy chủ quyền của bà nhưng không viết biên nhận, do phần đất của bà nằm trong khu quy hoạch 19,3 hecta, vào thời điểm này bà còn đang đi làm nhà nước và có con nhỏ nên bà cũng không để ý đến giấy tờ nhà đất.

Đến năm 2018, Ủy ban nhân dân phường X, thành phố M có chủ trương làm đường bà Nguyễn Thanh T cũng đồng ý với chủ trương này và đồng ý hiến một phần đất của bà để làm đường đi. Tuy nhiên, các hộ đối diện đất của bà cũng đồng ý chủ trương làm đường nhưng không chịu hiến đất. Lý do: Các hộ này cho rằng phần mương + đường đi là đất công cộng. Lúc này bà mới biết việc Nhà nước cấp giấy cho các hộ đối diện của bà ghi như vậy.

Theo bà Nguyễn Thanh T biết ý kiến khu dân cư, các vị cao niên và những người biết rõ nguồn gốc đất ở đây kể cả chủ cũ sang nhượng lại cho bà đều xác nhận không có đường đi công cộng, sơ đồ địa chính cũng không có đường đi công cộng mà thửa đất nhà bà là cuối cùng, gia đình bà đã tự bồi đắp thành con đường đi và sử dụng ổn định từ trước tới nay. Tứ cận không thay đổi.

+ Đông giáp với Nguyễn Thành M;

+ Tây giáp với Phan T;

+ Nam giáp với Lê Văn T;

+ Bắc giáp với Nguyễn Văn T.

Đất ông Phan T do Quân khu 9 cấp, tất cả cán bộ được cấp đất đều đi con đường phía trước (hướng nam). Nay không hiểu lý do gì mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ này lại thể hiện giáp mương + đường đi công cộng. Trong khi mốc ranh giới của Quân đội cấp đất vẫn còn nguyên hiện trạng; không ai tranh chấp đất với bà và bà cũng không tranh chấp với ai.

Trước đây các hộ này đã đồng ý hiến 2m đất làm đường vì họ biết rõ đây không có đường đi công cộng (Biên bản hiến đất có lưu tại Ủy ban nhân dân Phường X). Khi bà H (vợ của ông Phan T) sang đất lại cho ông Văn Việt Hthì ông này không chịu hiến đất và phần đất của ông H sang lại cho bà Văn Thị Cúc H cũng đã trừ lại số tiền 2m đất đã hiến.

Bà Nguyễn Thanh T đã làm đơn khiếu nại được Ủy ban nhân dân thành phố M trả lời bằng văn bản số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 bà không đồng ý nên ngày 14/01/2019. Bà tiếp tục làm đơn khiếu nại Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Đến ngày 11 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1260/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thanh T, giữ nguyên Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Nay bà Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét giải quyết: Hủy Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bị kiện UBND thành phố M có văn bản trình bày:

Ông Phạm Ngọc N, thường trú tổ X, khu phố X, đường L, Phường X, thành phố M sử dụng phần đất tọa lạc tại tổ 13 Tập đoàn Phường X (nay là khu phố 1x, Phường X, thành phố M). Ngày 26/10/1993, ông Phạm Ngọc N ký đơn xin sang nhượng thành quả lao động đất cho ông Vũ Quốc D (chồng bà Nguyễn Thanh T) thường trú tại số 3A, L, Phường X, thành phố M, diện tích là 1.300m^2 có vị trí như sau: Đông giáp Nguyễn Thành C; Tây giáp Phan T; Nam giáp Lê Văn T và Bắc giáp Nguyễn Văn T. Đơn của ông Phạm Ngọc N được Ủy ban nhân dân Phường X xác nhận. Cùng ngày 26/10/1993, ông Vũ Quốc D ký Đơn xin sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân thành phố có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường X ngày 30/10/1993. Tại thời điểm này, nội dung tự khai trong đơn xin sang nhượng thành quả lao động của ông Phạm Ngọc N và ông Vũ Quốc D chưa được các cơ quan chức năng đo đạc thực tế và chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 21/4/2003, ông Vũ Quốc D đứng Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất chuyển nhượng từ ông Phạm Ngọc N được Ủy ban nhân dân Phường X xác nhận. Ngày 17/7/2003, Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố (Nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) kết hợp Ủy ban nhân dân Phường X lập Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất vườn của ông Vũ Quốc D (có chữ ký của ông Vũ Quốc D và các hộ giáp ranh được Ủy ban nhân dân Phường X

xác nhận) có diện tích 1447,2m^2 là tăng 147,2m^2 (1447,2m^2 – 1.300m^2) so với diện tích mua của ông Phạm Ngọc N vào năm 1993 có họa đồ vị trí như sau: Bắc giáp Nguyễn Văn T (1/2 mương); Nam giáp Lê Văn T (rào bb); Đông giáp Nguyễn Thành C; Tây giáp Mương + đường đi (3,2m). Ngày 24/7/2003, Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố lập Tờ trình số 3589/QLĐT-ĐC&MT được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt số 2625/UB ngày 26/9/2003 công nhận cho ông Vũ Quốc D được sử dụng phần đất với diện tích 1.447,2m^2 thể hiện vị trí thửa đất như Biên bản đo đạc xác định ranh đất ngày 17/7/2003.

Ngày 06/11/2003, ông Vũ Quốc D tiếp tục đứng Đơn xin đăng ký biến động đất đai (lập thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng 01 phần diện tích 191,52m^2 từ đất vườn sang đất ở) được Ủy ban nhân dân Phường X xác nhận vào ngày 15/11/2003. Ngày 24/12/2003, Ủy ban nhân dân Phường X lập Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư (đô thị) của ông Vũ Quốc D có diện tích 191,52m^2 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thanh T (vợ ông Vũ Quốc D) thể hiện vị trí thửa đất, nhà như sau: Bắc giáp Vườn còn lại; Nam giáp Vườn còn lại; Đông giáp Vườn còn lại; Tây giáp Mương + đường đi (3,2m). Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư (đô thị) ngày 24/12/2003 được Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt ngày 05/01/2004 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 1048/UB ngày 15/4/2004 cho phép ông Vũ Quốc D chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (đã nộp tiền sử dụng đất 191,52m^2 tại Biên lai thu tiền số 036292 ngày 05/8/2004 của Chi cục Thuế thành phố Mỹ Tho). Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh xác định đất thổ cư, gia đình ông Vũ Quốc D xây dựng 01 căn nhà và xây dựng tường rào tại vị trí hướng Tây của phần đất phía trước nhà ông Vũ Quốc D giáp với mương + đường đi (3,2m) theo sơ đồ vị trí thửa đất được thể hiện tại Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư (đô thị) ngày 17/7/2003 và ngày 24/12/2003.

Theo bản vẽ trích đo khu đất ngày 10/9/2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố phần đất ông Vũ Quốc D đang sử dụng có diện tích 1438,1m^2 giảm 9,1m^2 so với năm 2003, trong đó ranh hướng Tây thửa đất ông Vũ Quốc D, bà Nguyễn Thanh T sử dụng (ngoài hàng rào) có hiện trạng là mương + đường đi rộng 3,67m - 3,69m tuy có lớn hơn so với chiều rộng mương + đường đi theo Biên bản đo đạc đất của ông Vũ Quốc D năm 2003 (3,2m) nhưng hiện trạng chiều dài thửa đất của ông Vũ Quốc D đang sử dụng cũng thay đổi kích thước đo đạc so trước đây (cạnh hướng bắc hiện là 59,96m so với trước đây 59,9m; cạnh hướng Nam hiện là 61,37m so với trước đây 60,7m; cạnh hướng Đông 21,47m so với trước đây 23,8m). Như vậy, diện tích của ông Vũ Quốc D giảm 9,1m^2 là do ranh hướng Đông có thay đổi giảm so với năm 2003. Đồng thời, vị trí mương + đường đi theo hiện trạng và vị trí hẻm + mương công cộng trong Tờ trình số 3589/QLĐT-ĐC&MT ngày 24/7/2003 được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt số 2625/UB ngày 26/9/2003 phù hợp với ranh đất theo Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất vườn đối với các thửa đất ở vị trí đối diện với đất ông Vũ Quốc D, bà Nguyễn Thanh T. Cụ thể:

+ Phần đất của ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt ngày 04/8/2003 thể hiện hướng Đông giáp hẻm + mương 3,6m;

+ Phần đất của ông Trần Đình H được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt ngày 07/03/2005 thể hiện hướng Đông giáp hẻm + cống 3,2m;

+ Phần đất của bà Phạm Thị H (vợ ông Phan T - người giáp đất hướng Tây được ông Phạm Ngọc N ghi trong đơn xin sang nhượng thành quả lao động cho ông Vũ Quốc D vào năm 1993) được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/5/2015 thể hiện hướng Đông giáp hẻm + mương công cộng (3,8m – 3,35m).

Mặt khác, qua kiểm tra bản đồ địa chính phường 6 đo vẽ lập năm 1998, phê duyệt năm 2004 hiện được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường X cũng thể hiện hướng Tây thửa đất của ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thanh T giáp đường + mương công cộng.

Năm 2018, thực hiện chủ trương chỉnh trang đô thị, Ủy ban nhân dân thành phố có chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng mương + đường công cộng giáp với tường rào nhà ông Vũ Quốc D, bà Nguyễn Thanh T nhưng bà Nguyễn Thanh T không đồng ý. Bà Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố công nhận phần đất mương + đường đi công cộng có diện tích khoảng 90m^2 nêu trên thuộc quyền sử dụng của gia đình Bà. Ngày 14/11/2018, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 6700/UBND-TD, trả lời yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T đòi Ủy ban nhân dân thành phố công nhận phần đất diện tích 90m^2 hiện là đường đi + mương công cộng thuộc quyền sử dụng của bà là không có cơ sở. Bà Nguyễn Thanh T không đồng ý và có đơn đề ngày 14/01/2019 khiếu nại Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Từ những căn cứ:

Ngày 26/10/1993, ông Phạm Ngọc N ký đơn xin sang nhượng thành quả lao động phần đất cho ông Vũ Quốc D (chồng bà Nguyễn Thanh T) sử dụng ghi diện tích 1.300m^2 theo Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất vườn của ông Vũ Quốc D được lập vào ngày 17/7/2003 và theo Tờ trình số 3589/QLĐT-ĐC&MT ngày 24/7/2003 của Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt số 2625/UB ngày 26/9/2003 thì diện tích ông Vũ Quốc D là 1447,2m^2 tăng 147,2m^2 (1447,2 - 1300) so với diện tích sang nhượng ban đầu. Như vậy, phần diện tích hẻm + mương công cộng (3,2m) theo tờ trình trên nằm ngoài ranh đất của ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thanh T mua của ông Phạm Ngọc N.

Mặt khác, tại Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư (đô thị) của gia đình ông Vũ Quốc D có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thanh T (vợ ông Vũ Quốc D) lập ngày 24/12/2003 thể hiện vị trí thửa đất, nhà về hướng Tây giáp Mương + đường đi (3,2m) biên bản này đã được Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt ngày 05/01/2004 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cho phép ông Vũ Quốc D chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư tại Công văn số 1048/UB ngày 15/4/2004. Thời điểm này bà Nguyễn Thanh T có chứng kiến ký xác nhận

việc đo đạc, xác định ranh giới đất của gia đình và bà Nguyễn Thanh T cũng không có ý kiến, thắc mắc đối với biên bản trên.

Đồng thời, vị trí hẻm + mương công cộng theo Tờ trình số 3589/QLĐT-ĐC&MT ngày 24/7/2003 được UBND thành phố duyệt số 2625/UB ngày 26/9/2003 phù hợp với ranh đất được thể hiện theo Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất vườn đối với các thửa đất ở vị trí đối diện với đất ông Vũ Quốc D, bà Nguyễn Thanh T bao gồm ông Trần Đình H; ông Nguyễn Văn H và Phạm Thị H (vợ ông Phan T) đều thể hiện hướng Đông giáp hẽm + mương (hoặc cống) công cộng.

Ngoài ra, theo Bản đồ địa chính của Phường 6 được đo vẽ lập năm 1998 và được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt năm 2004 hiện đang lưu trữ tại UBND Phường 6 cũng thể hiện hướng Tây thửa đất của ông Vũ Quốc D và bà Nguyễn Thanh T giáp đường + mương công cộng.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1260/QĐ-UBND, nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thanh T, ngụ số 3xx T, phường X, thành phố M. Giữ nguyên Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M là đúng căn cứ và trình tự, thủ tục quy định.

Cơ quan có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường X thành phố M không có ý kiến trình bày chỉ cung cấp các chứng cứ cho Tòa án cụ thể: 02 Biên bản họp dân về việc triển khai thực hiện xây dựng HTTN-giao thông khu phố 12, phường 6 ngày 24/4/2017, Biên bản họp dân về việc triển khai thực hiện xây dựng HTTN-giao thông khu phố 12, phường 6 ngày 23/4/2017, Biên bản về việc vận động hộ dân thực hiện công trình nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước, khu phố 12, Phường 6 ngày 28/8/2017, Công văn số 249/UBND Phường 6 ngày 11/5/2017, Biên bản vận động hiến đất ngày 27/9/2017, Biên bản vận động hiến đất mở rộng hẽm ngày 31/01/2018, biên bản khảo sát hiện trạng công trình ngày 29/11/2018, 02 Biên bản trao đổi việc hiến đất mở rộng hẽm ngày 31/01/2018, biên bản vận động hộ ông G, bà Y, 02 Biên bản họp dân về việc lấy ý kiến xây dựng công trình đường giao thông, hệ thống thoát nước khu phố 12, phường 6 ngày 11/9/2018, Công văn số 3374/PCCTT về việc trích lục hồ sơ ngày 04/11/2019 + Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư (đô thị) ngày 24/12/2003 được Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt ngày 05/01/2004

Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quốc D *trình bày thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thanh T, ông không bổ sung gì thêm.*

Tại Bản án số 57/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 30, điểm a, khoản 2, Điều 116, khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu hủy Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 10/12/2019, bà Nguyễn Thanh T kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 và Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21/5/2020, bà Nguyễn Thanh T kháng cáo bổ sung khẳng định phần đất (mương + đường đi) mà UBND thành phố M cho là công cộng là không đúng, mà nó thuộc quyền sở hữu của gia đình bà Nguyễn Thanh T, gia đình bà Nguyễn Thanh T bồi đắp và sử dụng ổn định từ năm 1991 tới nay.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 và Công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thanh T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thanh T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang công nhận phần đất diện tích 90m^2 hiện là đường đi + mương công cộng thuộc quyền sử dụng của bà, ngày 14/11/2018 Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Công văn số 6700/UBND-TD trả lời yêu cầu của bà Nguyễn

Thanh T. Bà Nguyễn Thanh T không đồng ý và ngày 11/3/2019 Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1260/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thanh T. Căn cứ Luật khiếu nại tố cáo năm 2012 thì việc Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành các văn bản hành chính nói trên là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thanh T cho rằng vào năm 1991 vợ chồng bà là Nguyễn Thanh T và Vũ Quốc D có nhận chuyển nhượng một phần đất tọa lạc tại khu phố 1X, phường X, thành phố M của ông Phan Ngọc N bằng giấy tay.

Năm 2003 bà Nguyễn Thanh T làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được UBND thành phố M cấp tờ trình ngày 26/9/2003. Tứ cận giáp ranh thể hiện phía Tây giáp mương + đường đi. Do phần đất của bà có giáp với đất của ông Nguyễn Văn T, nhưng nhà ông Nguyễn Văn T đi về hướng phía Bắc ra đường Lý Thường Kiệt B (nay là đường Lê Văn Phẩm) nên biên bản đo đạc thể hiện mương + đường đi đúng hiện trạng đất của bà.

Xét phần đất 1.300m^2 của ông Phan Ngọc N chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bà Nguyễn Thanh T nhận chuyển nhượng từ năm 1991 đến ngày 26/10/1993 hai bên làm giấy tay chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường X.

Ngày 21/4/2003 ông Vũ Quốc D làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Ngọc N có xác nhận của UBND phường X với diện tích theo giấy sang nhượng là 1.300m^2.

Trong quá trình thực hiện việc kê khai để đứng tên quyền sử dụng đất, cơ quan chức năng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đất đai, cụ thể:

- Ngày 17/7/3003 Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố Mỹ Tho kết hợp với Ủy ban nhân dân Phường X lập Biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất vườn của ông Vũ Quốc D, có chữ ký của ông Vũ Quốc D và các hộ giáp ranh được UBND phường X xác nhận có diện tích 1.447,2m^2 là tăng 147,2m^2 so với diện tích đất mua của ông Phạm Ngọc N vào năm 1993 và có tọa đồ vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp ông Nguyễn Văn T (½ mương).

- Nam giáp ông Lê Văn T.

- Đông giáp Nguyễn Thành C.

-Tây giáp mương + đường đi (3,2m).

Ngày 24/7/2003 Phòng Quản lý đô thị, Địa chính và Môi trường thành phố Mỹ Tho lập tờ trình số 3589/QLĐT-ĐC&MT được UBND thành phố M duyệt số 2625/UB ngày 26/9/2003 công nhận cho ông Vũ Quốc D được sử dụng phần đất với diện tích 1447,2m^2 thể hiện vị trí thửa đất như Biên bản đo đạc xác định ranh đất ngày 17/7/2003.

Ngày 06/11/2003 ông Vũ Quốc D tiếp tục đứng đơn xin đăng ký biến động đất đai (lập thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích 191,52m^2 từ đất vườn sang đất ở) được UBND phường X xác nhận vào ngày 15/11/2003.

Ngày 24/12/2003 UBND phường X lập biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích đất thổ cư của ông Vũ Quốc D có diện tích 191,52m^2 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thanh T thể hiện vị trí thửa đất, nhà đã được Phòng Quản lý đô thị Địa chính và Môi trường thành phố Mỹ Tho thẩm định trình UBND thành phố duyệt ngày 05/01/2004, như sau:

- Bắc giáp vườn còn lại

- Nam giáp vườn còn lại

- Đông giáp vườn còn lại.

- Tây giáp mương + đường đi (3,2m)

Tại công văn số 1048/UB ngày 15/4/2004 UBND tỉnh Tiền Giang cho phép ông Vũ Quốc D chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở 191,52m^2.

Sau khi được UBND tỉnh xác định đất thổ cư gia đình ông Vũ Quốc D xây dựng một căn nhà và tường rào tại vị trí hướng Tây của phần đất phía trước nhà ông Vũ Quốc D giáp với mương và đường đi.

[3] Bà Nguyễn Thanh T cho rằng phần đất của vợ chồng bà mua của ông Phạm Ngọc N nguyên thửa, có tứ cận nhưng trong đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động đất đề ngày 26/10/1993 chỉ ghi diện tích đất tọa lạc tại tổ 13 thuộc tập đoàn Phường 6 diện tích đất canh tác 1.300m^2. Do phần đất này trước khi sang nhượng cho vợ chồng bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Ngọc N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể hiện số thửa, diện tích đất đôi bên tự đo đạc và có ký giáp ranh của các hộ xung quanh đất, chính quyền địa phương cũng chỉ xác nhận việc chuyển nhượng thành quả lao động của ông Phạm Ngọc N cho ông Vũ Quốc D, không xác nhận diện tích bao nhiêu.

Năm 2003 ông Vũ Quốc D làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào giấy chuyển nhượng từ ông Phạm Ngọc N sang cho vợ chồng ông Vũ Quốc D, diện tích đất tăng lên từ 1.300m^2 lên 1447,2m^2 và khi ký giáp ranh ông Vũ Quốc D là người trực tiếp sang nhượng đất của ông Phạm Ngọc N biết rõ vị trí giáp ranh giữa các thửa đất nhưng ông Vũ Quốc D vẫn ký vào biên bản đo đạc xác định ranh giới, cụ thể trong giấy sang nhượng đất giữa ông Phạm Ngọc N với ông Vũ Quốc D thì ranh đất về hướng Tây là giáp ông Phan T, nhưng tại các biên bản đo đạc xác định ranh giới nêu trên đều ghi hướng Tây giáp mương và đường đi.

Về phần diện tích đất ông Vũ Quốc D sang nhượng của ông Phạm Ngọc N từ l,300m^2 lên 1447,2m^2, tăng 147,2m^2. Qua đo đạc thực tế ngày 16/7/2019 là 1.428,5m^2 nếu cộng thêm phần đất tranh chấp 88,1m^2 (đường đi và mương) thì diện tích tổng cộng là 1.516,6m^2.

Ông Phạm Ngọc N là người trực tiếp sang nhượng đất cho vợ chồng ông Vũ Quốc D bà Nguyễn Thanh T cũng xác nhận phần đất này trước đây ông mua để sử dụng thì đã có đường mương và đường đi khoảng 0,5m.

Cho đến nay vợ chồng ông Vũ Quốc D, bà Nguyễn Thanh T chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc giấy tạm cấp mà chỉ căn cứ vào giấy chuyển nhượng thành quả lao động đất giữa vợ chồng bà với ông Phạm Ngọc N để khiếu nại là không có cơ sở. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố M bác yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thanh T là có căn cứ đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ nêu trên để bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T là đúng pháp luật. Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thanh T không xuất trình được chứng cứ mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu hủy công văn số 6700/UBND-TD ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm bà Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thanh T đã nộp tại biên lai thu số 0001197 ngày 10/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (3) 14b, (PMT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba